

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/02/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia
tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mộng Loan;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Thị Bích H; địa chỉ: Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh G (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Anh Mai Lam D; địa chỉ: Làng L, xã I, huyện Ia, tỉnh G (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Tuấn A - Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Lam D đăng ký kết hôn ngày 25/11/2011 trên cơ sở

tự nguyện. Tuy nhiên khi về chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng trong sinh hoạt vợ chồng, quan điểm sống; vợ, chồng thường xuyên không tôn trọng nhau, hay cãi vã, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh D đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2022. Nay xét thấy tình cảm đã hết, có chung sống cũng không hạnh phúc mà còn làm khổ cho các con, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để tạo lập cuộc sống mới.

Về nuôi con khi ly hôn: Chị và anh D có hai con là Mai Trúc N, sinh ngày 22/10/2012 và Mai Trúc D, sinh ngày 17/12/2017. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị đã đưa 02 con về nhà cha mẹ ở thành phố P để sinh sống. Ngày 21/6/2022 anh D đến nói cho các con đi chơi rồi đưa 02 con về nhà anh D ở xã Ia, huyện I. Nay nguyện vọng của chị là muốn nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên do cháu N đã có nguyện vọng ở với anh D nên chị đồng ý để cháu N ở với anh D theo nguyện vọng của con. Còn cháu Mai Trúc D hiện nay còn nhỏ, cần thiết phải có sự chăm sóc từ người mẹ nhiều hơn, nên chị đề nghị giao cháu D cho chị trực tiếp nuôi. Hiện nay chị làm nghề buôn bán quần áo, thu nhập trung bình một tháng là 8.000.000đ, chị có nơi ở ổn định nên có đầy đủ điều kiện để nuôi con. Trong quá trình nuôi con Mai Trúc D chị sẽ tạo điều kiện để mỗi tuần cho chị, em được gặp nhau nhằm tạo sự gắn kết về tình cảm.

Về chia tài sản: Chị và anh D đã tạo lập được các tài sản:

Quyền sử dụng diện tích 320m² đất tại thửa số 107A1, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: làng Lang, xã Ia Chía, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; đất đã được cấp giấy CNQSD đất số BN 436515 ngày 16/4/2013; tài sản trên đất gồm một căn cấp 4 diện tích khoảng 100m² và các trụ bê tông.

Quyền sử dụng diện tích 6.012,6m² đất tại thửa số 20 và diện tích 4.270,2m² đất tại thửa số 22, tờ bản đồ 138, địa chỉ: làng Lang, xã Ia Chía, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; đất đã được cấp giấy CNQSD đất số CE 621363 ngày 29/11/2016; tài sản trên đất gồm nhà tạm làm rẫy, giếng nước, 100 trụ bê tông trồng tiêu và 135 cây điều.

Tổng cộng các tài sản trên được định giá là 549.189.805đ. Nay chị đề nghị chia tài sản trên làm 02 phần, giao toàn bộ hiện vật cho anh D, anh D phải hoàn lại cho chị ½ trị giá chênh lệch là 274.594.902đ.

Bị đơn anh Mai Lam D trình bày:

Về hôn nhân: Việc anh và chị H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện như chị H trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ, chồng xảy ra mâu thuẫn nên cả hai đã không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2022. Nay xét thấy tình cảm vợ, chồng đã hết, có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về nuôi con: Anh không đồng ý giao 02 con cho chị H nuôi vì lý do: từ khi chị H và anh không còn chung sống với nhau, các con vẫn ở với anh, anh vẫn chăm lo cho

các con ăn học, tạo điều kiện tốt nhất về vật chất và tinh thần cho các con. Hiện tại anh làm nghề buôn bán tạp hóa ở nhà nên có điều kiện gần gũi và chăm sóc các con. Thu nhập của anh cao hơn chị H nên anh có thể tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của các con.

Về tài sản: Anh xác nhận các tài sản mà chị H đã trình bày ở trên là tài sản chung của vợ, chồng. Anh đồng ý nhận toàn bộ hiện vật và thanh toán lại cho chị H một nửa giá trị là 274.594.902đ.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 33, 51, 53, 54, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con Mai Trúc N cho anh D và giao con Mai Trúc D cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về chia tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của anh D và chị H: Giao cho anh D được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 107A1, tờ bản đồ số 42, thửa số 20 và thửa số 22, tờ bản đồ 138, địa chỉ: làng Lang, xã Ia Chía, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Anh Duy phải thanh toán lại cho chị H số tiền chênh lệch do nhận tài sản là 274.594.902đ. Ngoài ra còn đề nghị buộc các đương sự phải chịu án phí, thanh toán chi phí tố tụng cho nhau theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, ngoài ra còn có yêu cầu giải quyết việc nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Do vậy đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích H và anh Mai Lam D đăng ký kết hôn ngày 25/11/2011 trên cơ sở tự nguyện, theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa họ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng chung chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa, chị H và anh D đều thống nhất

ly hôn. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận cho chị H và anh D được thuận tình ly hôn trước pháp luật.

[3]. Về nuôi con khi ly hôn:

Anh Duy và chị H có hai con gái là cháu Mai Trúc N, sinh ngày 22/10/2012 và cháu Mai Trúc D, sinh ngày 17/12/2017. Khi ly hôn chị H và anh D không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con và có tranh chấp về việc nuôi con. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Anh D hiện tại làm nghề buôn bán tạp hóa ở nhà, có thu nhập ổn định. Chị H làm nghề buôn bán quần áo, có hợp đồng lao động, có nơi ở và thu nhập ổn định.

Xét thấy anh D và chị H đều có đầy đủ điều kiện về thời gian, kinh tế, khả năng để trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên để quyết định giao con cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Mai Trúc N trình bày có nguyện vọng được ở với anh D vì cháu đã quen môi trường sống. Do vậy, để hạn chế thấp nhất việc chuyển nơi ở, nơi học tập làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của con, nên giao cháu N cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng đối với cháu Mai Trúc D hiện còn nhỏ, cháu đang học mẫu giáo nên cần có sự chăm sóc từ người mẹ nhiều hơn về tâm tư, tình cảm. Do đó để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con, cần giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi là phù hợp.

Các đương sự không yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung:

Các đương sự đều thống nhất, trong thời kỳ hôn nhân đã tạo lập được tài sản chung gồm:

Quyền sử dụng 320m² tại thửa số 107A1, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: làng Lang, xã Ia Chía, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai và tài sản trên đất gồm căn một tầng diện tích 88m², cùng với mái hiên, khung gỗ, cửa kéo. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp giấy CNQSD đất số BN 436515 ngày 16/4/2013. Trị giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 246.051.405đ.

Quyền sử dụng các diện tích 6.012,6m² đất tại thửa số 20 và 4.270,2m² đất tại thửa số 22, tờ bản đồ 138, địa chỉ: làng Lang, xã Ia Chía, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cùng tài sản trên đất gồm nhà tạm làm rẫy, giếng nước, 100 trụ bê tông trồng tiêu, 135 cây điều. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp giấy CNQSD đất số CE 621363 ngày 29/11/2016. Trị giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 303.138.400đ.

Tổng cộng trị giá tài sản chung là 549.189.805đ.

Tại phiên tòa anh D và chị H thỏa thuận: Giao toàn bộ các tài sản trên cho anh D được quyền sở hữu và sử dụng, anh D thanh toán lại cho chị H $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản là $549.189.805đ : 2 = 274.594.902đ$. Xét thấy việc thỏa thuận phân chia tài sản như trên của anh D và chị H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chị H đã tạm nộp tiền chi phí việc xem xét, thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản là 5.600.000đ. Số tiền trên đã chi phí hết cho công việc thẩm định và định giá tài sản. Căn cứ Điều 156 và Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, anh D phải hoàn trả cho chị H 2.800.000đ chi phí tố tụng.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị H và anh D mỗi người phải chịu 150.000đ án phí không có giá ngạch về ly hôn và $274.594.902đ \times 5\% = 13.729.745đ$ án phí có giá ngạch về chia tài sản để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 33, 51, 53, 54, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Bích H và anh Mai Lam D.

2. Về nuôi con khi ly hôn:

Giao con Mai Trúc N, sinh ngày 22/10/2012 cho anh Mai Lam D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao con Mai Trúc D, sinh ngày 17/12/2017 cho chị Huỳnh Thị Bích H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản khi ly hôn:

Công nhận sự thỏa thuận của anh Mai Lam D và chị Huỳnh Thị Bích H như sau:

- Giao cho anh Mai Lam D được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản:

Quyền sử dụng diện tích 320m² đất tại thửa số 107A1, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: làng Lang, xã Ia Chía, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 436515 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp ngày 16/4/2013, được chỉnh lý ngày 07/7/2021; tài sản gắn liền với đất là căn nhà 01 tầng diện tích 88m², cửa kéo Đài Loan, mái hiên khung gỗ và 30 trụ bê tông.

Quyền sử dụng diện tích 6.012,6m² đất tại thửa số 20 và diện tích 4.270,2m² đất tại thửa số 22, tờ bản đồ 138, địa chỉ: làng Lang, xã Ia Chía, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 621363 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp ngày 29/11/2016, được chỉnh lý ngày 07/7/2021; tài sản gắn liền với đất là căn nhà tạm làm rẫy, giếng nước, 100 trụ bê tông trồng tiêu và 135 cây điều.

Anh Mai Lam D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Anh Mai Lam D phải thanh toán cho chị Huỳnh Thị Bích H số tiền chênh lệch do nhận tài sản là 274.594.902đ (*hai trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm lẻ hai đồng*).

4. Về chi phí tố tụng: Anh Mai Lam D phải hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Bích H 2.800.000đ (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Bích H phải nộp 150.000đ án phí không có giá ngạch và 13.729.745đ án phí có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 8.425.000đ theo biên lai thu số 0008612 ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Chị H còn phải nộp tiếp là 5.454.745đ (*năm triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Anh Mai Lam D phải nộp 150.000đ án phí không có giá ngạch và 13.729.745đ án phí có giá ngạch, tổng cộng là 13.879.745đ (*mười ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai(nơi ĐKKH).
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Chí Công